

MÃ 1

PHẦN I. ĐỌC VÀ CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu 1.của Việt Nam là : “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

- A. Quốc kỳ B. Quốc hiệu C. Quốc ca D. Quốc hoa

Câu 2. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á thì Hà Nội là thủ đô có ...dân số khá cao.

- A. số dân B. diện tích C. mật độ D. dân tộc

Câu 3. Năm 2012, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam đã được UNESCO là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- A. cập nhật B. công nhận C. chấp nhận D. đón nhận

Câu 4. Sự phát triển của Internet đã tác động đến tất cả mọi lứa tuổi trong xã hội,là giới trẻ.

- A. ngoài ra B. hơn nữa C. bên cạnh D. đặc biệt

Câu 5. Cúng tất niên, đi lễ chùa, khai bút, mừng tuổi là những đẹp trong dịp Tết cổ truyền của người Việt Nam.

- A. thủ tục B. phong tục C. thói quen D. việc làm

Câu 6. Gạo nếp là ... chính khi làm bánh chưng.

- A. lương thực B. chất liệu C. nguyên liệu D. thực phẩm

Câu 7. Đập niêu đất là một trò chơi... phổ biến ở nhiều làng quê miền Bắc Việt Nam trong dịp lễ hội.

- A. dân gian B. hiện đại C. cổ kính D. cũ kỹ

Câu 8. Sau khi cúng ông Táo, người Việt đem cá chép thả xuống ao, hồ, sông. Hành động này được gọi là...

- A. sát sinh B. thả cá C. phóng sinh D. phong tục

Câu 9. là sản phẩm của giáo dục và đào tạo, đồng thời là tài sản quý giá nhất của con người và xã hội

- A. Trí thức B. Tri thức C. Học tập D. Dạy học

Câu 10. Một trong những nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu chính là ... từ các phương tiện vận tải sử dụng xăng dầu.

- A. không khí B. khí thải C. chất thải D. hóa chất

Câu 11. Đảng và nhân dân Việt Nam – Lào – Campuchiatình hữu nghị ba nước là tài sản vô giá, không gì thay thế được.

- A. là B. coi C. bầu D. như

Câu 12. các điểm du lịch nổi tiếng ..., Hà Nội còn có nhiều món ăn đặc sắc.

- A. không chỉ/ mà cả B. Ngoài/ ra C. không chỉ/ mà còn D. Cả/ lẫn

Câu 13. Khi nghiên cứu về văn hóa Việt Nam các nhà nghiên cứu tìm hiểu về trống đồng Đông Sơn và trống đồng Ngọc Lũ.

- A. chỉ/ thôi B. thế nào/ cũng C. ngoài/ ra D. vì/nên

Câu 14. quốc gia, mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa của riêng mình.

- A. Hàng B. Từng C. Mỗi D. Cả

Câu 15. ...té nước ... buộc chỉ cổ tay đều là phong tục trong dịp Tết của người Lào.

- A. ngoài/ra B. bên cạnh/còn có C. cả/lẫn D. không chỉ/mà còn

Câu 16. xã hội càng phát triểnnhu cầu ẩm thực ngày càng cao.

- A. Tuy/ nhưng B. Khi/ thì C. không những/mà còn D. Vì/ là

Câu 17. lễ hội thu hút nhiều người ...có nhiều hoạt động vui chơi.

- A. Sở dĩ/là vì B. Vì/nên C. Bên cạnh/mà còn D. Không chỉ/ mà còn

Câu 18. Ngày Tết, ... các gia đình ... mong muốn sum họp đông đủ.

- A. vì/ nên B. bất cứ/ nào cũng C. cả/ lẫn D. tất cả/đều

Câu 19. ... bạn ấy rất cố gắngbạn ấy đã giành được học bổng đi du học.

- A. Sở dĩ/ là vì B. Không chỉ/ mà còn C. Vì/ nên D. Tuy/ nhưng

Câu 20. Chúng tôi đã đến để tìm hiểu nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước.

- A. tận tay B. tận nơi C. tận mắt D. tận

PHẦN II. ĐỌC VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

Bài 1. Đọc và trả lời các câu hỏi từ 21 đến 28

Mỗi bộ trang phục truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam đều có nét riêng, thể hiện bản sắc văn hóa riêng của dân tộc mình.

(1) Trang phục truyền thống người Dao Đỏ: Người Dao Đỏ là một dân tộc có nguồn gốc từ Trung Quốc, họ sinh sống rải rác tại các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái. Thường bộ trang phục của họ gồm có áo, mũ, quần, thắt lưng và xà cạp quần chân. Áo là loại áo dài, cổ tay và viền áo là các hoa văn thổ cẩm màu đỏ được thêu kì công trên nền vải đen chàm, quần màu đen tuyền phía dưới có thêu hoa văn. Khăn

đội đầu màu đỏ nổi bật chính là điểm nhấn cho toàn bộ trang phục cũng như là đặc điểm riêng của người Dao Đỏ.

(2) Trang phục truyền thống dân tộc Thái: Người thái bao gồm Thái trắng, Thái đen và Thái đỏ với khoảng 1,5 triệu người. Trang phục truyền thống nữ là váy (váy dài hoặc suông) được trang trí nhiều họa tiết hoa văn như hình mặt trời, hoa lá, rồng,... với hàng khuy bạc lấp lánh. Đi kèm là thắt lưng và khăn Piêu cùng một số trang sức bằng bạc. Còn nam giới thì mặc đơn giản, không có quá nhiều **họa tiết**.

(3) Trang phục truyền thống dân tộc Tày: Dân tộc Tày với khoảng hơn 1,6 triệu người, sinh sống chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc. Trang phục của dân tộc Tày hoàn toàn làm bằng vải tự dệt, cả nam, nữ đều mặc một màu trầm đồng điệu. Và hầu như không có họa tiết trang trí, điểm nhấn là trang sức bằng bạc và có đai lưng.

(4) Trang phục truyền thống dân tộc H'Mông: Nếu bộ trang phục truyền thống của người Tày là kiểu đơn giản nhất thì dân tộc H'Mông lại có trang phục hết sức **cầu kỳ** và sắc sỡ. Đó là những bộ đồ thường làm bằng vải lanh cùng nhiều màu sắc nổi bật, hoa văn đa dạng, cầu kỳ. Thường bộ trang phục hoàn chỉnh của họ sẽ gồm áo xẻ cổ, váy xòe xếp ly, mũ đội đầu và xà cạp, có đính kèm các chuỗi hạt hay đồng xu để tăng thêm vẻ nổi bật.

(5) Trang phục truyền thống dân tộc Chăm: Bộ trang phục của dân tộc Chăm là chiếc áo dài may kín, không xẻ tà, phần dưới được may vừa bước chân, váy đi kèm với áo thường cùng màu áo chỉ là đậm hoặc nhạt hơn. Điểm nhấn trên bộ trang phục chính là thắt lưng với tông vàng óng ánh, trang trí tỉ mỉ được buộc chéo qua ngực và vòng quanh eo. Đi kèm theo còn có khăn đội đầu vừa tăng vẻ duyên dáng vừa có thể che nắng.

Câu 21. Bài đọc nhắc đến trang phục truyền thống của mấy dân tộc?

- A. 3 dân tộc B. 4 dân tộc C. 5 dân tộc D. 6 dân tộc

Câu 22. Điểm nhấn cho trang phục truyền thống của người Dao Đỏ là gì?

- A. cổ tay và viền áo là các hoa văn thổ cẩm màu đỏ
B. quần màu đen tuyền phía dưới có thêu hoa văn
C. khăn đội đầu màu đỏ
D. xà cạp quấn chân

Câu 23. Trong đoạn 2, thông tin nào SAI trong các thông tin sau:

- A. Người Thái bao gồm Thái trắng, Thái đen và Thái đỏ.
- B. Trang phục truyền thống của phụ nữ dân tộc Thái là váy dài hoặc suông.
- C. Trang phục của nam giới dân tộc Thái có nhiều hoa văn khác nhau.
- D. Thắt lưng và khăn Piêu là những phụ kiện đi kèm của trang phục truyền thống dân tộc Thái.

Câu 24. Điểm đặc biệt trong trang phục truyền thống của dân tộc Tày là gì?

- A. Trang phục có nhiều màu sắc sặc sỡ.
- B. Trang phục của nữ có nhiều màu sắc.
- C. Trên trang phục không có họa tiết trang trí.
- D. Điểm nhấn của trang phục là trang sức bằng vàng.

Câu 25. Chiếc thắt lưng với tông vàng óng ánh, trang trí tỉ mỉ được buộc chéo qua ngực và vòng quanh eo là điểm nhấn trong trang phục truyền thống của dân tộc nào?

- A. dân tộc Tày
- B. dân tộc Thái
- C. dân tộc Chăm
- D. dân tộc H'Mông

Câu 26. Trong đoạn 2, từ “**họa tiết**” nghĩa là gì?

- A. hình vẽ được cách điệu hóa dùng để trang trí
- B. điểm nhấn trên trang phục
- C. phần nhỏ trên trang phục
- D. chi tiết đi kèm

Câu 27. Ở đoạn 4, trái nghĩa với “**cầu kì**” là gì?

- A. phức tạp
- B. đơn giản
- C. công phu
- D. đơn điệu

Câu 28. Xác định nội dung chính của bài đọc trên:

- A. Văn hóa truyền thống của một số dân tộc Việt Nam.
- B. Nét đẹp trong văn hóa truyền thống của một số dân tộc Việt Nam.
- C. Trang phục truyền thống của Việt Nam.
- D. Trang phục truyền thống của một số dân tộc Việt Nam.

BÀI 2 Đọc và trả lời các câu hỏi từ 29 đến 35

Ở Việt Nam hiện nay có khoảng 3.000 món ăn các loại trong đó có trên 1.700 món nấu theo phong cách ẩm thực cung đình Huế. Trình bày đẹp, hương vị thơm ngon, tinh tế, thanh tao, tốt cho sức khỏe là tất cả những gì hội tụ trong ẩm thực cung đình Huế.

Ẩm thực cung đình Huế chịu ảnh hưởng từ những luồng văn hóa của nhiều cộng đồng người khác nhau trong thời kì khai hoang, mở cõi. Đó là sự kế thừa của phong

cách ẩm thực miền Bắc từ thời nhà Lý, nhà Lê, hay được bổ sung cách chế biến món ăn của người phương Nam từ thời vua Gia Long. Và ẩm thực cung đình Huế còn được làm phong phú bằng nét riêng trong ẩm thực Champa xưa.

Với sự phát triển rực rỡ của các triều đại phong kiến và là nơi sinh sống của các bậc đế vương, đã tạo nên những quy cách chuẩn mực đầy tinh tế trong phương thức chế biến món ăn Huế. Các món ăn cung đình Huế lúc đầu là do truyền lại từ đời này sang đời khác, sau các sứ thần khi đi sứ về, họ cung tiến vua những món ăn lạ và ngon. Món nào đặc biệt sẽ được liệt vào danh sách rồi truyền tiếp sang đời sau, cứ thế, món ăn cung đình Huế trở nên phong phú và đa dạng hơn.

Khi chế biến món ăn cung đình, các đầu bếp hoàng gia thường chú trọng nêm gia vị 3 lần trong suốt quá trình nấu nhằm đảm bảo mùi vị vừa miệng, lại giữ được chất tươi nguyên của thực phẩm. Ngoài ướp gia vị vào nguyên liệu, đầu bếp cần nêm bổ sung lúc thức ăn đang sôi. Sau khi tắt bếp cần nêm lại một lần nữa và cuối cùng khi bày thức ăn ra đĩa cũng phải nêm lại lần nữa. Món ăn sau khi được chế biến dâng lên các bậc vua chúa phải đảm bảo hương vị **tuyệt hảo** cũng như hình thức phải đẹp mắt và **thu hút** nhất.

Một bữa ăn trong triều đình Huế đều được tuân theo những quy định và nguyên tắc bắt buộc từ việc chọn lựa nguyên liệu, chế biến cho đến trang trí, sắp xếp bàn ăn hay các loại chén đĩa,... Có thể lấy ví dụ như một bữa ăn của vua Minh Mạng, Đồng Khánh và vua Khải Định phải có từ 35 đến 50 món, trong đó phải bao gồm một vài món bát trân. Bát trân là 8 món quý nhất như: nem công, chả phượng, yến sào... Và **những món ăn này** nhất định phải được đặt trong các quả hộp sơn son thiếp vàng. Là một thành tố trong ẩm thực Việt, ẩm thực cung đình thực sự là kho tàng văn hóa cần được gìn giữ và lưu truyền.

Câu 29. Bài đọc nói về ẩm thực của vùng miền nào?

- A. ẩm thực miền Bắc
- B. ẩm thực miền Nam
- C. ẩm thực Champa
- D. ẩm thực cung đình Huế

Câu 30. Ở Việt Nam có bao nhiêu món ăn được nấu theo phong cách ẩm thực cung đình Huế?

A. hơn 1.700 món

C. hơn 700 món

B. khoảng 3000 món

D. khoảng 300 món

Câu 31. Khi chế biến món ăn cung đình, các đầu bếp hoàng gia thường chú trọng nêm gia vị vào lúc nào?

A. khi thức ăn đang sôi

C. khi tắt bếp

B. khi bày thức ăn ra đĩa

D. cả ba bước trên

Câu 32. Từ **“tuyệt hảo”** trong văn bản trên có thể được thay thế bằng cụm từ nào?

A. thơm ngon

B. thơm ngon nhất

C. đặc biệt

D. đặc trưng

Câu 33. Từ **“thu hút”** trong văn bản trên đồng nghĩa với từ nào sau đây:

A. thú vị

B. hấp dẫn

C. quan tâm

D. ấn tượng

Câu 34. Cụm từ **“Những món ăn này”** là những món ăn nào?

A. những món ăn ngon nhất

B. 8 món quý nhất

C. những món ăn dành cho vua chúa

D. những món ăn trong triều đình

Câu 35. Xác định nội dung chính của bài đọc:

A. Nét đẹp trong văn hóa ẩm thực Việt Nam

B. Lịch sử của ẩm thực cung đình Huế

C. Đặc trưng của ẩm thực cung đình Huế

D. Lịch sử và đặc trưng của ẩm thực cung đình Huế

Bài 3. Đọc bài dưới đây và trả lời từ câu hỏi 36 đến câu hỏi 40

Ô nhiễm không khí có liên quan chặt chẽ với biến đổi khí hậu, trong đó quá trình đốt cháy nhiên liệu hóa thạch vừa gây biến đổi khí hậu, vừa là tác nhân chính gây ô nhiễm không khí. Ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh tật và tỉ lệ tử vong cao, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Ô nhiễm không khí đe dọa sức khỏe của người dân ở khắp mọi nơi trên thế giới. Ước tính mới đây năm 2018 cho thấy rằng 9/10 người dân phải hít thở không khí chứa hàm lượng các chất gây ô nhiễm cao. Ô nhiễm không khí cả ở bên ngoài và trong nhà gây ra khoảng 7 triệu ca tử vong hàng năm trên toàn cầu; chỉ tính riêng khu vực Tây Thái Bình Dương có khoảng 2,2 triệu người tử vong mỗi năm.

Do đó, các biện pháp thiết thực để giảm ô nhiễm không khí ở Hà Nội hay TP HCM là rất quan trọng, cần được quan tâm và đầu tư thực hiện nhiều hơn nữa. Cần nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu và cải thiện không khí bị ô nhiễm. Gần đây, Hội đồng liên chính phủ về Biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc cảnh báo rằng nếu quy trình sản xuất nhiệt điện từ đốt than không kết thúc vào năm 2050, nhiệt độ của Trái Đất sẽ tăng hơn 1,5 độ C và chúng ta có thể chứng kiến một cuộc khủng hoảng khí hậu lớn trong vòng 20 năm tới. Nếu những nỗ lực giảm ô nhiễm không khí có thể đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra trong thỏa thuận Paris nhằm chống biến đổi khí hậu, khoảng một triệu người trên toàn thế giới sẽ cứu sống mỗi năm.

WHO cho rằng các nguồn năng lượng gây ô nhiễm hiện nay đã tạo ra những gánh nặng lớn về sức khỏe, do đó rất cần chuyển sang những lựa chọn sạch hơn và bền vững hơn để cung cấp năng lượng và vận chuyển hệ thống thực phẩm một cách hiệu quả. Hội nghị toàn cầu đầu tiên về ô nhiễm không khí và sức khỏe sẽ nâng cao nhận thức về tác hại và rủi ro đến sức khỏe cộng đồng, cũng như chia sẻ thông tin về những ảnh hưởng của ô nhiễm không khí.

Câu 36. Theo bài đọc, nguyên nhân gây ô nhiễm không khí là gì ?

- A. Chất thải từ các phương tiện giao thông.
- B. Hoạt động sản xuất của con người.
- C. Quá trình đốt cháy nhiên liệu hóa thạch.
- D. Hoạt động thu gom xử lý rác thải.

Câu 37. Theo bài đọc, hậu quả của ô nhiễm không khí gây ra là gì?

- A. Ảnh hưởng đến phổi và tim..
- B. Gây ra nhiều bệnh tật và tỉ lệ tử vong cao.
- C. Bị nhiễm trùng đường hô hấp.
- D. Ảnh hưởng đến làn da.

Câu 38. Nhiệt độ của Trái Đất sẽ tăng hơn 1,5 độ C nếu quy trình sản xuất nào không kết thúc?

- A. Quy trình sản xuất của các nhà máy.
- B. Quy trình sản xuất của các nhà máy công nghiệp.
- C. Quy trình sản xuất nhiệt điện.
- D. Quy trình sản xuất nhiệt điện từ đốt than.

Câu 39. “2,2 triệu người tử vong mỗi năm” là của khu vực nào:

A. Tây Thái Bình Dương

C. Trên toàn cầu

B. Trên toàn thế giới

D. Đại Tây Dương

Câu 40. Vì sao cần phải có những biện pháp nỗ lực để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí?

A. Để tăng tuổi thọ cho con người.

B. Để giảm tuổi thọ của con người.

C. Để tăng tỉ lệ người chết mỗi năm do ô nhiễm không khí.

D. Để giảm tỉ lệ người chết mỗi năm do ô nhiễm không khí.